

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí quản lý diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác năm 2017 theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 330/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Dự toán kinh phí bảo vệ rừng năm 2016 và năm 2017 cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1474/STC-TCĐN ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí quản lý diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác năm 2017 theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Tổng diện tích được quyết toán: 51.152,15 ha.
2. Tổng kinh phí được quyết toán: 10.960.310.460 đồng.
3. Kinh phí được sử dụng trong năm: 7.709.000.000 đồng, trong đó:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.
 - Kinh phí Ngân sách Trung ương cấp phát trong năm: 6.979.000.000 đồng.
 - Kinh phí khác: 730.000.000 đồng.
4. Kinh phí còn thiếu đề nghị cấp bổ sung năm sau: 3.251.310.460 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Các Giám đốc Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV

Lâm nghiệp: Sa Thầy, Ngọc Hồi, Kon Plông, Ia H'Drai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP(KT);
- Lưu: VT, KT5 *KS*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn



Phụ lục số 01

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP PHẢI TẠM DỪNG KHAI THÁC RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		KINH PHÍ CẤP PHÁT			KINH PHÍ THỪA(+), THIẾU(-) (Tr.đ)
		Diện tích (ha)	Kinh phí (Tr.đ)	Diện tích (ha)	Kinh phí (Tr.đ)	Tổng số (Tr.đ)	Năm trước chuyển sang (Tr.đ)	Cấp phát trong năm (Tr.đ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7)-(6)
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KonPlong (1)	16.890,83	4.108,2	14.785,76	3.687,0	2.550,0	0,0	2.550,0	-1.137,0
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	14.608,15	2.921,6	14.482,11	2.896,4	2.039,0	0,0	2.039,0	-857,4
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	10.376,91	2.075,4	10.376,91	2.075,4	1.453,0	0,0	1.453,0	-622,4
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai (2)	11.918,87	2.383,8	11.507,38	2.301,4	1.667,0	0,0	1.667,0	-634,4
	Tổng cộng	53.794,76	11.489,0	51.152,16	10.960,2	7.709,0	0,0	7.709,0	-3.251,2
				(4)				(3)	

Thuyết minh:

(1): Tổng dự toán được giao: 4.108,2 triệu đồng. Trong đó:

- Dự toán được giao theo Quyết định 1375/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt dự toán kinh phí bảo vệ rừng năm 2016 và năm 2017 cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp thuộc tỉnh là: 3.378,2 triệu đồng
- Dự toán được giao theo Quyết định 1351/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017 (Theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) là: 730 triệu đồng

(2) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai được đổi tên từ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Hà theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

(3) Tổng kinh phí cấp phát trong năm là: 7.709 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí Bộ Tài chính cấp trong năm 2017 là: 6.979 triệu đồng cho nhiệm vụ BVR năm 2017 tại Công văn số 14135/BTC-NSNN ngày 20/10/2017 về việc bổ sung kinh phí thực hiện Quyết định số 2242/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, 2015 và năm 2016.

Chữ ký

- Kinh phí được giao theo Quyết định 1351/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017 (Theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) là: 730 triệu đồng

(4) Tổng diện tích quyết toán giảm so với dự toán là: 2.642,61 Ha gồm:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KonPlong giảm: 2.105,07 Ha tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán kinh phí quản lý diện tích rừng tự nhiên của các Công ty Lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác năm 2016 theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi giảm: 126,05 Ha do Năm 2016 mất rừng 41,68 Ha tại Quyết định số 616/QĐ-UBND nói trên, Năm 2017 giảm: 84,37 Ha (Bản giao địa phương quản lý 62,00 Ha và mất, cháy rừng: 22,36 Ha)

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai giảm: 411,49 Ha, diện tích này chuyển sang hưởng tiền DVMTR từ năm 2017 (Trong đó diện tích đã phục hồi là 8,34 Ha). 

Phụ lục số 02

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP
PHẢI TẮM DỪNG KHAI THÁC RỪNG TỰ NHIÊN THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 2242/QĐ-TTg NGÀY 11/12/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
I	Nguồn kinh phí			
1	Tổng diện tích rừng tự nhiên được nghiệm thu, quyết toán	ha	53.794,76	51.152,16
2	Kinh phí	Tr.đ		
2.1	Kinh phí năm trước chuyển sang	Tr.đ		
2.2	Kinh phí được cấp phát trong năm, trong đó:	Tr.đ	11.489,0	7.709,0
-	Kinh phí Ngân sách Trung ương cấp phát trong năm	Tr.đ	10.759,0	6.979,0
-	Kinh phí khác	Tr.đ	730,0	730,0
2.3	Kinh phí được sử dụng (2.1 + 2.2)	Tr.đ	11.489,0	7.709,0
2.4	Kinh phí được quyết toán		11.489,0	10.960,2
2.5	Kinh phí thừa (thiếu) chuyển năm sau (2.3 - 2.4)	Tr.đ	0,0	-3.251,2
II	Chi tiết quyết toán kinh phí		11.488,4	10.960,3
1	Tiền lương, tiền công (cho đối tượng ảnh hưởng trực tiếp khi dừng khai thác chính gỗ rừng tự nhiên)	Tr.đ	5.875,1	6.166,0
2	Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tr.đ	1.229,9	1.172,5
3	Trang phục, trang thiết bị quản lý, bảo vệ rừng	Tr.đ	219,0	103,4
4	Chi phí bảo vệ rừng	Tr.đ	2.991,2	2.508,4
	- Chi phí nhân công hợp đồng bảo vệ		2.707,2	2.249,3
	- Chi phí nhân công phát dọn thực bì, đường ranh tiểu khu	Tr.đ	284,0	259,0
5	Chi phí khác	Tr.đ	1.173,2	1.010,1
	- Chi hội họp tuyên truyền công tác QL BV rừng	Tr.đ	230,0	165,5
	- Chi truy quét rừng giáp ranh giữa các tỉnh	Tr.đ	87,7	112,9
	- Chi phí khác	Tr.đ	855,5	731,6

Chữ